TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2017.
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh.

2. Bà Trần Thị Lãm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2016/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2017/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Phú Q, sinh năm 1974;
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.
Tạm trú: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1975;
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.
Tạm trú: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Phú Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thanh H chung sống với nhau năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 30 tháng 11 năm 2003. Thời gian đầu vợ chồng

anh chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H thường xuyên sang Casino Campuchia đánh bạc, đi 02 – 3 tháng mới về một lần, về nhà được 01 – 02 ngày rồi lại đi. Anh và chị H chính thức ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Thanh H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con tên Võ Thắng L, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1996 và Võ Thị Tường V, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2001, hiện các con đã lớn nên anh tôn trọng theo nguyện vọng của con, nếu con theo ai người đó nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo anh Q trình bày, vào năm 2011 Nhà nước xây nhà tình nghĩa cho mẹ ruột anh là bà Nguyễn Thị N trị giá 30.000.000 đồng. Khi xây, anh hớt tóc tích lũy được số tiền, anh góp và hốt hụi của chị Trần Thị Thanh T được 25.000.000 đồng hùn xây thêm để có chỗ ở. Ngoài ra, anh Q xác định em chị H là chị Trần Thị Thanh D mượn số tiền 9.000.000 đồng, anh Q và hai con anh chị đang sử dụng 02 chiếc xe mô tô Dream và 01 chiếc xe đạp điện. Tuy nhiên, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Anh Q trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q chung sống với nhau năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 30 tháng 11 năm 2003. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H thừa nhận việc chị đi đánh bạc là có, nhưng có sự cho phép của anh Q, anh Q đưa chị đi, còn mâu thuẫn chủ yếu do anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị chỉ nghe nói, không có chứng cứ gì. Hiện tại, chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Do còn thương chồng, chị muốn vợ chồng được đoàn tụ để lo cho con nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Q xác định có hai con tên Võ Thắng L, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1996 và Võ Thị Tường V, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2001, hiện các con đã lớn nên chị tôn trọng theo nguyện vọng của con, nếu con theo ai người đó nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị trình bày, vào năm 2011 Nhà nước xây nhà tình nghĩa cho mẹ chồng chị là Nguyễn Thị N. Khi đó vợ chồng chị có tích góp thêm được số tiền gần 50.000.000 đồng để hùn xây thêm. Ngoài ra, chị H xác định em chị là chị Trần Thị Thanh D mượn số tiền 9.000.000 đồng; 02 chiếc xe mô tô Dream và 01 chiếc xe đạp điện hiện tại do anh Q và hai con chị đang quản lý sử dụng và số tiền anh Q hốt hụi của chị T được 19.000.000 đồng hiện tại anh Q đang giữ. Tuy nhiên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm

quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị H đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, cho anh Q và chị H được ly hôn. Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 giao cháu V cho anh Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thanh H đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Q và chị H trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2003 nên hôn nhân của anh Q và chị H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo anh Q mâu thuẫn phát sinh là do chị H thường xuyên sang Casino Campuchia đánh bạc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 11 năm 2016 chị H thừa nhận việc chị đi đánh bạc là có nhưng mâu thuẫn chủ yếu do anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng chị không có chứng cứ chứng minh. Quá trình xác minh cho thấy, việc chị H thường xuyên sang Casino Campuchia đánh bạc là có, hiện tại cả hai anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, chị H xin đoàn tụ nhưng thường xuyên vắng nhà, Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H không đến để tham gia hoà giải và xét xử. Điều đó chứng tỏ thiện chí mong muốn đoàn tụ của chị H là không có, mà mục đích là để kéo dài gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của chị H. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, cho anh Q được ly hôn với chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Q và chị H xác định có hai con tên Võ Thắng L, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1996 và Võ Thị Tường V, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2001. Em L đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết. Riêng cháu V, từ ngày ly thân cháu sống chung với anh Q. Mặt khác, cháu V đã trên 7 tuổi, qua làm việc cháu có nguyện vọng mong muốn được sống với anh Q. Xuất phát từ lợi ích của cháu V nên việc giao cháu cho anh Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh Q không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh Q và chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Q và chị H xác định không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Phú Q với chị Trần Thị Thanh H.

Anh Võ Phú Q được ly hôn với chị Trần Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Tường V, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2001 cho anh Võ Phú Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu. Riêng em Võ Thắng L, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1996 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Võ Phú Q và chị Trần Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Võ Phú Q phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0020473 ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Q đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Trần Thị Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Q có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi chị H cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân